

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HỌC MÔN
TRƯỜNG MẦM NON BÔNG SEN**

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

NĂM HỌC 2020- 2021

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN
TRƯỜNG MẦM NON BÔNG SEN

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Nguyễn Thu Hòa	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Phan Thị Thanh Phương	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3	Nguyễn Thị Thành Tâm	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
4	Phan Thị Ngọc Lan	Tổ trưởng tổ Văn phòng	Thành viên - Trưởng nhóm Thư ký	
5	Nguyễn Thị Phương	Bí thư chi đoàn	Thành viên	
6	Lê Thị Thúy Linh	Chủ tịch công đoàn	Thành viên	
7	Tạ Thị Kim Phúc	Tổ trưởng chuyên môn – tổ Lá	Thành viên	
8	Tô Thị Hằng	Tổ phó chuyên môn – tổ Chồi	Thành viên	
9	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Tổ trưởng chuyên môn – tổ Mầm	Thành viên	
10	Ngô Thị Ngọc Li	Tổ trưởng chuyên môn – tổ Nhà trẻ	Thành viên	
11	Đoàn Thanh Vi	Trưởng ban thanh tra nhân dân	Thành viên	
12	Nguyễn Thị Công Dung	Kế toán	Thành viên	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	4
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	5
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	11
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	11
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	13
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1,2 VÀ 3	13
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	13
Mở đầu	13
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	14
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác	16
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	17
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	20
Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo	22
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	24
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	26
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	28
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	30
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	31

<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	34
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	35
Mở đầu	35
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	35
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	37
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	40
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	42
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	43
Mở đầu	43
Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn	43
Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập	46
Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị	48
Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn	50
Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi	52
Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	54
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	56
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	57
Mở đầu	57
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ	58
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường;	60
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	62
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	63

Mở đầu	63
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non	64
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ	67
Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe	69
Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục	72
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	74
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	75
Phần IV. PHỤ LỤC	

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

Đánh giá tiêu chí từ Mức 1 đến Mức 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1		X	X	
Tiêu chí 1.1		X	X	
Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	
Tiêu chí 1.6		X	X	
Tiêu chí 1.7		X	X	
Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X	X	
Tiêu chuẩn 2		X	X	
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	
Tiêu chuẩn 3		X	X	
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	X
Tiêu chí 3.5		X	X	
Tiêu chí 3.6		X	X	
Tiêu chuẩn 4		X	X	
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	
Tiêu chuẩn 5		X	X	
Tiêu chí 5.1		X	X	X
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	
Tiêu chí 5.4		X	X	X

Kết quả: Đạt Mức 2

2. Kết luận: Trường đạt Mức 2

Phần I CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): Mầm non Bông Sen

Tên trước đây (nếu có): Mẫu giáo Bông Sen 2 và Nhà trẻ Vàng Anh 5

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Hồ Chí Minh	Họ và tên hiệu trưởng	Nguyễn Thu Hòa
Huyện/quận/thị xã/thành phố	Hóc Môn	Điện thoại	0919682034
Xã/phường/thị trấn	Thới Tam Thôn	Fax	
Đạt CQG	Không	Website	cObongsen.tphcm@moet.edu.vn
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	2001	Số điểm trường	01 điểm chính
Công lập	X	Loại hình khác	Không
Tư thực	Không	Thuộc vùng khó khăn	Không
Dân lập	Không	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không		

1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

Số nhóm, lớp	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
Nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi	0	0	0	0	0
Nhóm trẻ từ 13 đến 24	0	0	0	0	0

tháng tuổi					
Nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi	3	3	3	3	3
Số lớp mẫu giáo 3 - 4 tuổi	3	3	4	4	4
Số lớp mẫu giáo 4 - 5 tuổi	4	4	4	5	5
Số lớp mẫu giáo 5 - 6 tuổi	4	4	5	5	6
Cộng	14	14	16	17	18

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Ghi chú
I	Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	14	14	16	17	18	
1	Phòng kiên cố	10	10	18	18	18	
2	Phòng bán kiên cố	4	4	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng phục vụ học tập	14	14	16	17	18	
1	Phòng kiên cố	10	10	18	18	18	
2	Phòng bán kiên cố	4	4	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Khối phòng hành chính quản trị	2	2	3	5	6	
1	Phòng kiên cố	1	0	3	0	6	
2	Phòng bán kiên cố	1	1	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
IV	Khối phòng tổ chức ăn	1	1	1	1	1	
V	Phòng y tế	1	1	1	1	1	
	Cộng	19	19	23	25	26	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm TĐG: Tháng 3 năm 2021

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	1	0	0	0	1	
Phó hiệu trưởng	2	2	0	0	0	2	
Giáo viên	37	37	0	0	37	31	
Nhân viên	15	9	0	0	11	4	
Cộng	55	49	0	0	48	38	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

TT	Số liệu	Năm học 2016 - 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021
1	Tổng số giáo viên	28	28	32	34	37
2	Tỷ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với nhóm trẻ)	78/6	81/6	90/6	84/6	86/6
3	Tỷ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)	0	0	0	0	0
4	Tỷ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo có trẻ em bán trú)	396/24	418/24	582/28	639/28	549/31
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên	4	0	6	0	3
6	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	0	0	0	0	0

4. Trẻ em

T T	Số liệu	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Ghi chú
1	Tổng số trẻ em	474	499	672	723	635	
	- Nữ	237	249	337	355	306	
	- Dân tộc thiểu số	1	2	1	1	2	
2	Đối tượng chính sách	02	01	03	01	0	
3	Khuyết tật	0	0	0	1	4	
4	Tuyển mới		25	173	51	160	
5	Học 2 buổi/ngày	0	0	0	0	0	
6	Bán trú	474	499	672	723	635	
7	Tỷ lệ trẻ em/lớp	474/14	499/16	672/17	723/17	635/18	
8	Tỷ lệ trẻ em/nhóm	33/nhóm	35/ nhóm	39/ nhóm	42/ nhóm	35/nhóm	
	- Trẻ em từ 03 đến 12 tháng tuổi	0	0	0	0	0	
	- Trẻ em từ 13 đến 24 tháng tuổi	0	0	0	0	0	
	- Trẻ em từ 25 đến 36 tháng tuổi	26/ nhóm	27/ nhóm	30/ nhóm	28/ nhóm	28/ nhóm	
	- Trẻ em từ 3-4 tuổi	36	38	45	46	27	
	- Trẻ em từ 4-5 tuổi	36	45	45	46	38	
	- Trẻ em từ 5-6 tuổi	36	45	38	47	42	

Công tác phổ cập giáo dục mầm non và kết quả giáo dục

Số liệu	Năm học 2016- 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Ghi chú
Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ huy động trẻ em lứa tuổi mầm non tới trường	74/144 (51.39%)	132/225 (58.7%)	188/225 (83.6%)	165/230 (71.73%)	/	
Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non	144/144 (100%)	225/225 (100%)	225/225 (100%)	230/230 (100%)	250/250 (100%)	

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của trường:

Trường Mầm non Bông Sen được thành lập theo Quyết định số 207/QĐ-UB ngày 03 tháng 7 năm 2001 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn. Từ ngày 22 tháng 3 năm 2009 trường Mầm non Bông Sen được nâng cấp giai đoạn 1, tọa lạc tại địa chỉ số 8/4 Đường Tô Ký, ấp Nam Thới, xã Thới Tam Thôn với tổng diện tích khuôn viên đất là 5.593m² theo Quyết định số 833/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2008.

Được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, trường được khánh thành tháng 9/2017 và đưa vào sử dụng với quy mô xây dựng 01 trệt 02 lầu, cơ sở vật chất khang trang, trang thiết bị đầy đủ, số lớp, số phòng và các phòng chức năng đáp ứng đủ theo yêu cầu Điều lệ trường mầm non (gồm 18 phòng học, 02 phòng chức năng, 01 phòng y tế, 01 hội trường, 01 nhà bếp, 01 phòng Hiệu trưởng, 02 phòng Phó Hiệu trưởng, 01 phòng giặt hấp đồ dùng, 02 phòng nghỉ nhân viên, 01 phòng bảo vệ, 01 phòng họp truyền thống và 01 phòng tài vụ). Trong những năm qua, Trường Mầm non Bông Sen đã từng bước nỗ lực đầu tư nâng cao chất lượng của trường, tạo uy tín đối với địa phương và cha mẹ học sinh có nhu cầu gửi con trên địa bàn huyện Hóc Môn. Nhà trường đã nhiều năm được công nhận danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc; công nhận trường mầm non đạt chất lượng giáo dục cấp độ 02. Trường được công nhận trường hạng I.

Năm học 2020-2021 căn cứ Công văn số 1313/UBND-VX ngày 11 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 3810/QĐ-UBND ngày 19 tháng 08 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn, về phê duyệt đề án xây dựng trường Mầm non Bông Sen thực hiện trường tiên tiến, theo xu thế hội nhập khu vực và quốc tế.

Nhà trường đã xây dựng được đội ngũ giáo viên đồng đều về kiến thức chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng sư phạm, đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên luôn đoàn kết, có trách nhiệm, năng động, sáng tạo. Giáo viên yêu nghề, mến trẻ, luôn học hỏi tìm tòi và vận dụng đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phát huy tính tích cực của trẻ. Tỷ lệ giáo viên dạy giỏi, chiến sĩ thi đua luôn được duy trì về số lượng, chất lượng chăm sóc giáo dục ngày càng được nâng cao. Năm học 2020 - 2021, trường có 37/37 giáo viên đạt trình độ chuẩn (trong đó trên chuẩn là 31/37, đạt tỷ lệ 83.78%) được phân công trực tiếp

làm công tác chăm sóc giáo dục trẻ. Tổng số học sinh của trường là 635 trẻ chia thành 18 nhóm lớp từ 25 - 36 tháng đến 5 - 6 tuổi. Trong quá trình hoạt động, nhiều năm liền nhà trường đã đạt được thành tích “Tập thể lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động xuất sắc”, “Bằng khen thành phố”.

Chi bộ trường hiện nay gồm 22 đảng viên, nhiều năm liền đạt “Chi bộ trong sạch vững mạnh”, giữ vai trò lãnh đạo trong toàn bộ hoạt động của nhà trường. Công đoàn và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh của nhà trường liên tục giữ vững danh hiệu “Vững mạnh”. Ban đại diện Cha mẹ học sinh tích cực hỗ trợ nhà trường trong việc nuôi dạy trẻ góp phần cùng nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ.

2. Mục đích tự đánh giá:

- Qua việc tự đánh giá giúp nhà trường từng bước cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục, đáp ứng mục tiêu giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

- Thông qua kết quả tự đánh giá làm căn cứ giải trình với các cơ quan chức năng, xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục nhà trường để được cơ quan chức năng đánh giá và công nhận Trường Mầm non Bông Sen đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

3. Quá trình tự đánh giá và những vấn đề nổi bật trong báo cáo tự đánh giá:

Thực hiện Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non.

Trường Mầm non Bông Sen tự kiểm định chất lượng nhà trường để góp phần đẩy mạnh công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục. Quy trình tự đánh giá của trường được tiến hành như sau:

Ngày 5 tháng 9 năm 2020: Nhà trường thành lập Hội đồng tự đánh giá, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, phân công dự thảo kế hoạch đánh giá, thông qua buổi họp Hội đồng sư phạm và triển khai công tác kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non, tập huấn cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Từ ngày 5 tháng 9 năm 2020 đến ngày 3 tháng 02 năm 2021: Các nhóm thu thập, mã hóa các minh chứng, phân công cá nhân viết phiếu đánh giá tiêu chí.

Ngày 24 tháng 02 năm 2021: Thông qua hoạt động tự đánh giá của các thành viên, tổ nhóm, hội đồng tự đánh giá thống nhất về mức độ đơn vị đạt được theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí và thông qua đề cương chi tiết báo cáo tự đánh giá.

Từ ngày 24 tháng 02 năm 2021 đến ngày 28 tháng 02 năm 2021: Hội đồng tự đánh giá đề thông qua báo cáo tự đánh giá đã sửa chữa, xử lý các ý kiến đóng góp.

Ngày 28 tháng 02 năm 2021: Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá, công bố bảng báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường Mầm non Bông Sen xây dựng kế hoạch năm học hằng năm thể hiện được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. Trường có cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định tại Điều lệ trường mầm non; Thực hiện tốt công tác quản lý chuyên môn, tài chính, tài sản. Bên cạnh đó, trường còn chú trọng công tác chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn tuyệt đối cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Hội đồng trong trường làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và có sự phối hợp chặt chẽ để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường luôn chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của chính quyền địa phương và cơ quan quản lý giáo dục cấp trên; thực hiện tốt các phong trào thi đua do ngành giáo dục và địa phương phát động.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên

các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường xây dựng kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật Giáo dục [H1-1.1-01]; phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường [H1-1.1-02].

Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được xác định bằng văn bản và được Phòng Giáo dục và đào tạo phê duyệt [H1-1.1-01].

Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường và đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường [H1-1.1-03].

Mức 2:

Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch năm học để triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển trường mầm non một cách cụ thể; đồng thời theo dõi, giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường một cách đầy đủ và hiệu quả [H1-1.1-04].

Mức 3:

Nhà trường có rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển [H1-1.1-05]. Chưa có sự tham gia của cha mẹ trẻ và cộng đồng trong việc xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường; có các biện pháp cụ thể để triển khai thực hiện và giám sát việc thực hiện kế hoạch chiến lược.

3. Điểm yếu

Chưa có sự tham gia của cha mẹ trẻ và cộng đồng trong việc xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2021-2022 nhà trường xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020 - 2025, phối hợp lấy ý kiến đóng góp, tham gia của cha mẹ trẻ và cộng đồng trong việc xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường Mầm non Bông Sen có hội đồng trường được thành lập theo quy định gồm 11 thành viên [H1-1.2-01]. Hội đồng thi đua khen thưởng của nhà trường được thành lập vào đầu năm học [H1-1.2-02]. Ngoài ra, vào từng thời điểm trường thành lập những hội đồng khác để đáp ứng yêu cầu công việc như: Hội đồng tuyển sinh được thành lập trước khi khai giảng năm học mới; Hội đồng khoa học xét duyệt sáng kiến kinh nghiệm; Hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi [H1-1.2-03].

Hội đồng trường và các hội đồng khác hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Điều lệ trường mầm non: Hội đồng trường giúp nhà trường đánh giá các hoạt động, rà soát các chỉ tiêu nhà trường đề ra trong kế

hoạch năm học trường đã thực hiện từng học kỳ; Hội đồng thi đua giúp nhà trường nhận xét, đánh giá thi đua chất lượng hiệu quả, công khai, theo đúng quy trình. [H1-1.2-04].

Hoạt động của hội đồng trường và các hội đồng khác được định kỳ, rà soát và đánh giá để nâng cao hiệu quả hoạt động. Tuy nhiên, những năm trước đây hồ sơ lưu trữ của hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi chưa đầy đủ [H1-1.2-04].

Mức 2:

Hội đồng trường và các hội đồng khác hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường [H1-1.2-04].

2. Điểm mạnh

Trường có hội đồng trường và các hội đồng khác được thành lập theo quy định, hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn một cách có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu

Những năm trước đây hồ sơ lưu trữ của hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi chưa đầy đủ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2020 - 2021 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục thành lập các hội đồng theo qui định và hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn một cách có hiệu quả. Hiệu trưởng phân công các thành viên hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi cập nhật, sắp xếp hồ sơ chấm thi giáo viên dạy giỏi đầy đủ, thứ tự từng loại hồ sơ, từng giáo viên hợp lý, khoa học.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Các đoàn thể và các tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định: Tổ chức công đoàn cơ sở gồm 55 công đoàn viên trực thuộc Liên đoàn lao động huyện Hóc Môn [H1-1.3-01]. Có tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, trực thuộc Đoàn xã Thới Tam Thôn [H1-1.3-02]. Trường có các tổ chức xã hội: Hội Chữ thập đỏ [H1-1.3-03], Hội khuyến học [H1-1.3-04].

Ban chấp hành công đoàn thực hiện đúng nhiệm vụ và chức năng Công đoàn, nhiều năm liền đạt Công đoàn hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-01]. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh gồm 9 đoàn viên trực thuộc Đoàn xã Thới Tam Thôn, đạt chi đoàn vững mạnh nhiều năm liền [H1-1.3-02]. Hội Chữ thập đỏ hoạt động theo kế hoạch của Hội Chữ thập đỏ huyện Hóc Môn [H1-1.3-03]; Hội Khuyến học hoạt động theo kế hoạch của Hội Khuyến học xã Thới Tam Thôn [H1-1.3-04].

Hàng năm, các đoàn thể và các tổ chức khác được rà soát, đánh giá [H1-1.2-05]. Công đoàn cơ sở đạt vững mạnh [H1-1.3-01], chi đoàn đạt vững mạnh [H1-1.3-02].

Mức 2:

Nhà trường có chi bộ Đảng trực thuộc Đảng ủy xã Thới Tam Thôn, Bí thư Chi bộ là Hiệu trưởng nhà trường [H1-1.03-05] Chi bộ nhà trường gồm có 22 đảng viên (03 cán bộ quản lý, 19 giáo viên), tổ chức sinh hoạt định kỳ hằng tháng theo quy định để đánh giá các hoạt động giáo dục trong nhà trường, công

tác xây dựng Đảng và chỉ đạo các mặt hoạt động của các đoàn thể [H1-1.3-05]; Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá. Năm 2016, 2017, 2018 chi bộ nhà trường đạt trong sạch vững mạnh, năm 2019 đạt hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, năm 2020 hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-05];

Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường: Công đoàn vận động các phong trào thi đua thao giảng, dạy tốt, thi giáo viên giỏi, viết sáng kiến, vận động đóng góp ủng hộ các phong trào, các cuộc vận động xã hội như đóng góp nhà tình nghĩa, hiến máu nhân đạo... Đoàn thanh niên thực hiện các công trình thanh niên như vườn hoa, vườn rau, Công đoàn giới thiệu những đoàn viên ưu tú cho Đảng [H1-1.3-01]. Hằng năm, Hội chữ thập đỏ đóng góp theo kế hoạch vận động của hội chữ thập đỏ huyện [H1-1.3-03]. Hội khuyến học nhà trường chăm lo cho học sinh nghèo, khó khăn. Tuy nhiên, hoạt động Hội khuyến học chưa phong phú, hình thức tổ chức các hoạt động chưa đa dạng hiệu quả chưa cao [H1-1.3-04].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Chi bộ nhà trường có 03 năm đạt trong sạch vững mạnh (năm 2016, 2017, 2018), 01 năm đạt hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (năm 2019), năm 2020 đạt chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-05];

Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường như hỗ trợ văn nghệ, các hội thi nông thôn mới của xã Thới Tam Thôn, nhưng còn hạn chế trong việc đóng góp vào các hoạt động của cộng đồng [H1-1.2-05].

2. Điểm mạnh

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức và hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

3. Điểm yếu

Hoạt động Hội khuyến học chưa phong phú, đa dạng, hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2021 - 2022 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì cơ cấu bộ máy tổ chức theo quy định tại Điều lệ trường mầm non và phát huy vai trò của các tổ chức trong nhà trường. Ngoài ra, nhà trường tham gia cùng hội khuyến học của xã xây dựng kế hoạch hoạt động, phối hợp với các ban ngành

chi đoàn, công đoàn, hội Cha mẹ học sinh... tổ chức thực hiện có hiệu quả các hoạt động khuyến học khuyến tài.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường Mầm non Bông Sen là trường hạng I, nhà trường được bố trí cán bộ quản lý gồm 01 Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng [H1-1.4-01].

Hằng năm, Hiệu trưởng ra quyết định bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó cho các tổ nhằm đảm bảo đúng cơ cấu theo quy định, trường có 6 tổ chuyên môn: tổ văn phòng (12 người BGH, NV), tổ cấp dưỡng (06 cấp dưỡng) và 4 tổ giáo viên (Nhà trẻ, Mầm , Chồi, Lá); Tổ văn phòng gồm 03 BGH, 01 kế toán, 01 nhân viên y tế, 01 thủ quỹ kiêm văn thư, 04 bảo vệ, 02 phục vụ [H1-1.4-02].

Căn cứ vào kế hoạch năm học của nhà trường, tổ chuyên môn, tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động năm học và thực hiện các nhiệm vụ theo

quy định [H1-1.4-03]. Tổ chuyên môn, tổ văn phòng sinh hoạt chuyên môn định kỳ 02 tuần/1 lần [H1-1.4-04].

Mức 2:

Năm học 2020 – 2021 tổ chuyên môn thực hiện 05 chuyên đề 01 cấp cấp huyện Chuyên đề “Xây dựng môi trường thiên nhiên trong tổ chức hoạt động và tăng cường vận động ngoài trời cho trẻ” “Nâng cao chất lượng đổi mới hoạt động phát triển ngôn ngữ trong trường mầm non” [H1-1.4-05].

Hàng tháng tổ chuyên môn và tổ văn phòng sinh hoạt định kỳ để rà soát, đánh giá, điều chỉnh và xây dựng kế hoạch hoạt động cho tháng tiếp theo [H1-1.4-04].

Mức 3:

Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

Tổ chuyên môn của nhà trường thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.4-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ cơ cấu tổ chức bộ máy và hoạt động theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

3. Điểm yếu: Không có

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm 2021 - 2022 và những năm tiếp theo trường tiếp tục xây dựng cơ cấu tổ chức theo quy định, phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn sẽ hướng dẫn tổ trưởng, giáo viên xây dựng kế hoạch sinh hoạt chuyên môn chuyên. Xây dựng và tổ chức chuyên đề cụm, huyện, tham gia hội thi giáo viên giỏi cấp huyện, phân đấu giáo viên giỏi cấp thành phố.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

Mức 1:

a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;

- b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;
- c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ cùng một dạng khuyết tật.

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

Mức 3:

Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có 18 nhóm, lớp được phân chia theo đúng độ tuổi, có đầy đủ hồ sơ quản lý trẻ theo quy định:

- + Nhóm 25 - 36 tháng : 3
- + Lớp mẫu giáo 3 - 4 tuổi: 4
- + Lớp mẫu giáo 4 - 5 tuổi: 5
- + Lớp mẫu giáo 5 - 6 tuổi: 6 [H1-1-05-01].

100% nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày [H1-1.5-01].

Trong năm qua, trường có 04 trẻ khuyết tật học hòa nhập.

Mức 2:

Năm học 2020 - 2021 toàn trường có tổng số 635 trẻ, trong đó:

- 03 nhóm 25 - 36 tháng (86 trẻ)
- 4 lớp mẫu giáo 3 - 4 tuổi (107 trẻ)
- 5 lớp mẫu giáo 4 - 5 tuổi (192 trẻ)
- 5 lớp mẫu giáo 5 - 6 tuổi (250 trẻ) [H1-1.5-01].

Số trẻ của lớp mẫu giáo 4 - 5 tuổi còn cao theo Điều lệ trường mầm non.

Mức 3:

Nhà trường có 15 lớp mẫu giáo phù hợp với quy định [H1-1.5-01].

2. Điểm mạnh

Trường có các nhóm lớp, được phân chia theo đúng độ tuổi và tổ chức học 02 buổi/ngày.

3. Điểm yếu

Số trẻ của các lớp mẫu giáo 4 - 5 tuổi còn cao theo Điều lệ trường mầm non.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2021 - 2022, trường duy trì phân chia số trẻ đúng độ tuổi. Song song đó, nhà trường tuyển thêm giáo viên tách thêm lớp đúng số lượng trẻ theo Điều lệ trường mầm non.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;
- c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

- a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hồ sơ, sổ sách của nhà trường đầy đủ, sắp xếp khoa học được thực hiện đúng theo quy định của Luật Lưu trữ như: Hồ sơ quản lý nhân sự [H1-1.6-01];

Hồ sơ thi đua [H1-1.6-02]; Hồ sơ kiểm tra bộ phận [H1-1.6-03]; Sổ công văn đi, đến [H1-1.6-04]; Hồ sơ quản lý tài sản, tài chính, cơ sở vật chất [H1-1.6-05]; Hồ sơ quản lý bán trú [H1-1.6-06].

Nhà trường lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản theo quy định [H1-1.6-07]; thực hiện công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định [H1-1.6-08]. Hằng năm, quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H1-1.6-09]. Tuy nhiên việc cập nhật đồ dùng đồ chơi vào sổ tài sản các lớp chưa chặt chẽ và khoa học.

Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục [H1-1.6-05]

Mức 2:

Nhà trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính thông qua các phần mềm như: Phần mềm quản lý cán bộ công chức, phần mềm EPMIS, phần mềm quản lý dữ liệu giáo dục, phần mềm phổ cập giáo dục [H1-1.6-10]. Nhà trường thực hiện quản lý tài chính và tài sản thông qua các phần mềm như: Phần mềm quản lý tài sản, phần mềm kế toán IMAS [H1-1.6-11].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo biên bản kiểm tra quyết toán hằng năm [H1-1.6-07].

Mức 3:

Chưa có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ hồ sơ quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo đúng quy định. Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

3. Điểm yếu

Việc cập nhật đồ dùng đồ chơi vào sổ tài sản các lớp chưa chặt chẽ và khoa học.

Nhà trường chưa xây dựng kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp điều kiện nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2021 - 2022 và những năm tiếp theo nhà trường tiếp tục quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục. Đồng thời, phân công Phó Hiệu trưởng hướng dẫn, kiểm tra giáo viên ghi sổ tài sản nhóm lớp chặt chẽ, khoa học hơn. Nhà trường sẽ xây dựng kế hoạch trung hạn, dài hạn xây dựng kế hoạch tạo nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên.

Mức 1:

- a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;
- b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;
- c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch cụ thể để bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên, khuyến khích và tạo điều kiện cho giáo viên, nhân viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn. Tuy nhiên, số nhân viên cấp dưỡng đạt trình độ trung cấp còn thấp 2/6 – tỉ lệ 33.3% [H1-1.7-01].

Vào đầu mỗi năm học, nhà trường xây dựng bảng phân công cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường, được Cán bộ quản lý hợp thống nhất và triển khai thực hiện trong nhà trường [H1-1.7-02].

Hàng năm nhà trường xây dựng Quy chế dân chủ, phát huy quyền làm chủ của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong mọi hoạt động của nhà trường được

đảm bảo các quyền theo quy định [H1-1.7-03].

Mức 2:

Nhà trường thực hiện phân công hợp lý để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường [H1-1.7-02]. Hằng tháng, nhà trường thực hiện đánh giá hiệu quả công tác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, qua đó điều chỉnh những hạn chế và phát huy ưu điểm của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên [H1-1.2-04].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, được phân công hợp lý để phát huy tối đa năng lực, được đảm bảo các quyền theo quy định.

2. Điểm yếu

Số nhân viên cấp dưỡng đạt trình độ trung cấp còn thấp 2/6 – tỉ lệ 33.3%

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021 - 2022 và những năm tiếp theo nhà trường sẽ xây dựng kế hoạch nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên. Tạo điều kiện cho đội ngũ nâng cao trình độ chính trị và chuyên môn nghiệp vụ. Trong năm có 02 cấp dưỡng học nâng cao trình độ, 6 giáo viên tham gia học lớp đại học.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

- a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;
- b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;
- c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng phù hợp với thông tư 28/2016/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi Chương trình giáo dục mầm non, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường [H1-1.8-01].

Nhà trường xây dựng, thực hiện đầy đủ các kế hoạch giáo dục, các nhóm lớp xây dựng thành kế hoạch cụ thể cho từng lứa tuổi và được thực hiện đầy đủ [H1-1.8-02].

Kế hoạch giáo dục của các lớp được Tổ trưởng chuyên môn và Phó Hiệu trưởng kiểm tra, nhận xét, đánh giá định kỳ, hàng tháng để giáo viên kịp thời rà soát, điều chỉnh kế hoạch phù hợp mang lại hiệu quả chăm sóc, giáo dục trẻ [H1-1.8-03].

Mức 2:

Công tác kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường bằng các biện pháp chỉ đạo như: Mỗi tháng, ban giám hiệu và tổ trưởng chuyên môn thường xuyên dự giờ, thăm lớp, kiểm tra có kế hoạch báo trước và đột xuất để đánh giá giáo viên nâng cao hiệu quả nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ tại đơn vị, tuy nhiên còn một vài giáo viên soạn kế hoạch và thiết kế giáo án cũng như tổ chức hoạt động học cho trẻ còn chưa linh hoạt, sáng tạo tập trung ở giáo viên mới ra trường [H1-1.8-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng và thực hiện đầy đủ các kế hoạch giáo dục; Có biện pháp kiểm tra, rà soát, đánh giá thường xuyên, điều chỉnh kịp thời các kế hoạch giáo dục cho đội ngũ.

3. Điểm yếu

Tỉ lệ giáo viên đạt giáo viên giỏi cấp huyện còn thấp (3/37 - Tỉ lệ 8.1%) Còn một số giáo viên mới ra trường chưa linh hoạt, sáng tạo trong tổ chức giờ học, lập kế hoạch, soạn giáo án.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021 - 2022 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục chỉ đạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên thực hiện kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường. Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá để nâng hiệu cao quả chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

1. Trước khi ban hành kế hoạch năm học, kế hoạch giáo dục, các nội quy quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường, nhà trường tổ chức lấy ý kiến để tất các cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến theo quy định tại quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường, ban hành kèm theo Thông tư 01/2016/TT-BNV ngày 13 tháng 01 năm 2016 của Bộ Nội vụ [H1-1.9-01].

Nhà trường không xảy ra các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh [H1-1.2-05].

Hằng năm, nhà trường thực hiện các báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở [H1-1.7-03].

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả [H1-1.9-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện đúng và đầy đủ quy chế dân chủ đã được thống nhất trong tập thể; thực hiện tốt các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

3. Điểm yếu

Nhân viên chưa mạnh dạn đóng góp ý kiến cho bạn đồng nghiệp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021 - 2022 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục phát huy vai trò và trách nhiệm của người đứng đầu về thực hiện quy chế dân chủ hoạt động của các tổ chức đoàn thể trong đơn vị, động viên gợi ý để các thành viên mạnh dạn góp ý, rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện để tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; Vệ sinh an toàn thực phẩm; An toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; An toàn phòng, chống cháy, nổ; An toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; Phòng, chống dịch bệnh; Phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường xây dựng đầy đủ các phương án đảm bảo an ninh trật tự; Phương án đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; Phương án an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; Phương án an toàn phòng, chống cháy, nổ; Phương án an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; Phương án phòng, chống dịch bệnh; Phương án phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-01]. Bếp ăn của nhà trường được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm [H1-1.10-02].

Nhà trường có hộp thư góp ý, đường dây nóng và hình thức tiếp công dân trực tiếp để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04]. Nhà trường đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường [H1-1.10-04]; [H1-1.10-05].

Nhà trường không xảy ra hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới [H1-1.2-04].

Mức 2:

Nhà trường phổ biến, hướng dẫn cho tất cả cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ em thực hiện phương án: Đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường. Tuy nhiên, hình thức tuyên truyền các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích và an toàn thực phẩm đến phụ huynh chưa phong phú [H1-1.10-05].

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự [H1-1.10-04]. Nhà trường không xảy ra hiện tượng liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự [H1-1.2-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng và triển khai đầy đủ các phương án để đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học; có các hình thức tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh của người dân; không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Hình thức tuyên truyền các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích và an toàn thực phẩm đến phụ huynh chưa tổ chức tập huấn và tham gia diễn tập cùng với nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021 - 2022 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì hiệu quả đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học. Tiếp tục cải tiến hình thức tuyên truyền, tổ chức tập huấn, diễn tập... nâng cao hiệu quả phối hợp với cha mẹ học sinh trong việc đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường cho toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Đảm bảo an toàn trong trường học và nâng cao hiệu quả chất lượng cuộc sống.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường có đủ cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng có kế hoạch thực hiện nhiệm vụ quản lý cụ thể và chỉ đạo kịp thời mọi hoạt động trong nhà trường. Xây dựng dự toán, thực hiện quyết toán theo qui định, có kế hoạch thu chi rõ ràng, công khai tài chính minh bạch, lưu biên bản kiểm tra đầy đủ. Trường có cơ cấu nhóm, lớp đúng theo qui định của Điều lệ trường mầm non. Luôn đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ và đội ngũ khi đang sinh hoạt và làm việc tại trường. Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn hằng tháng. Công tác thi đua, khen thưởng kịp thời, tạo động lực để đội ngũ phấn đấu vươn lên, phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể trong nhà trường. Tổ chức và quản lý nhà trường hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu nhiệm vụ đã đề ra. Luôn đạt được thành tích tốt trong các phong trào thi đua của ngành và của trường.

Điểm yếu cơ bản:

- Xây dựng phương hướng chiến lược cho các năm học chưa có sự tham gia của Hội Cha mẹ học sinh và các ban ngành.
- Những năm trước đây hồ sơ lưu trữ của hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi chưa đầy đủ.
- Số trẻ của các lớp mẫu giáo chưa đúng theo Điều lệ trường mầm non.

- Việc cập nhật đồ dùng đồ chơi vào sổ tài sản các lớp chưa chặt chẽ và khoa học.

- Nhân viên cấp dưỡng đạt trình độ trung cấp tỉ lệ còn thấp.

- Một vài giáo viên, nhân viên nhà trường ít tham gia đóng góp ý kiến xây dựng trong các buổi họp.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/00

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Mở đầu:

Trường Mầm non Bông Sen đảm bảo đầy đủ nhân sự theo cơ cấu của Điều lệ trường mầm non. Bên cạnh đó, trường luôn chú trọng nâng cao chất lượng của đội ngũ như: Tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên học tập nâng cao năng lực quản lý, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; tạo điều kiện về cơ sở vật chất, bảo vệ quyền lợi chính đáng để giáo viên, nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;

b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;

c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hiệu trưởng có thời gian công tác 19 năm, trong đó có 9 năm làm công tác quản lý, 02 Phó Hiệu trưởng phụ trách giáo dục có thời gian công tác 15-19 năm với 3 năm làm công tác quản lý; Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn có bằng Đại học Sư phạm mầm non. Cán bộ quản lý đã qua lớp Trung cấp lý luận chính trị [H1-1.4-01].

Hàng năm, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đều được nhận xét, góp ý, đánh giá xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và xếp loại khá theo Chuẩn hiệu trưởng và Chuẩn phó hiệu trưởng trường mầm non theo quy định [H2-2.1-01].

Cán bộ quản lý nhà trường đã qua lớp đào tạo quản lý trường mầm non, có chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin, Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục đã qua lớp bồi dưỡng chuyên viên, quản lý cấp phòng, Phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn đã qua lớp bồi dưỡng Hiệu trưởng và lớp quản lý cấp phòng [H1-1.6-01].

Mức 2:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đều được đánh giá xếp loại hoàn thành loại xuất sắc nhiệm vụ và xếp loại khá theo Chuẩn hiệu trưởng và Chuẩn phó hiệu trưởng trường mầm non theo quy định [H2-2.1-01].

Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đã có giấy chứng nhận Trung cấp lý luận chính trị - hành chính [H1-1.6-01]. Cán bộ quản lý được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm [H1-1.6-01].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đều được đánh giá xếp loại xuất sắc theo Quy định chuẩn hiệu trưởng trường mầm non [H2-2.1-01].

2. Điểm mạnh

Có 03/03 - tỷ lệ 100% Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng nhà trường được đánh giá xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và 3/3 xếp loại khá theo Chuẩn hiệu trưởng và Chuẩn phó hiệu trưởng trường mầm non, có năng lực kinh nghiệm trong quản lý và tổ chức các hoạt động của nhà trường được sự tín nhiệm từ tập thể sư phạm nhà trường.

3. Điểm yếu

Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục chưa học lớp cử nhân quản lý giáo dục.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo, cán bộ quản lý tiếp tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ để duy trì kết quả đánh giá xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Trường tiếp tục động viên, tạo điều kiện về thời gian, hỗ trợ kinh phí cho Hiệu hiệu trưởng. Phó hiệu trưởng tham gia lớp cử nhân quản lý giáo dục để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ nhằm đáp ứng với yêu cầu ngày càng cao của công việc quản lý.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

- a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;
- b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;
- c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

- a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;
- c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

- a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn

có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

2.2.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đủ số lượng giáo viên nhà trẻ và giáo viên mẫu giáo theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ: gồm 37 giáo viên, trong đó 6 giáo viên phụ trách nhóm nhà trẻ: 25 - 36 tháng / 6 giáo viên và 31 giáo viên phụ trách 15 lớp mẫu giáo: 4 lớp 3 - 4 tuổi; 5 lớp mẫu giáo 4 - 5 tuổi; 6 lớp mẫu giáo 5 - 6 tuổi [H1-1.7-02].

Năm học 2020 - 2021 trường có 37/37 giáo viên – tỷ lệ 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định H2-2.2-01].

Hàng năm, nhà trường đánh giá xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên, 100% giáo viên đạt mức khá, tốt trở lên, không có trường hợp đạt yêu cầu [H2-2.2-02].

Mức 2:

Trình độ đào tạo đạt trên chuẩn của giáo viên đến thời điểm hiện tại có 37/37 giáo viên đạt tỷ lệ 100%, trong đó có 31/37 giáo viên trình độ Đại học sư phạm mầm non đạt tỷ lệ 83.78%; 6/37 giáo viên trình độ Cao đẳng sư phạm mầm non đạt tỷ lệ 16.2%, được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình bồi dưỡng đến năm 2021-2022 [H2-2.2-01].

Trong 05 năm liên tiếp:

+ Năm học 2017 - 2018, 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021 có 37/37 giáo viên – tỷ lệ 100% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên, trong đó 3/37 giáo viên đạt loại tốt, 34/37 khá trở lên.

+ Năm học 2020 - 2021 có 37/37 giáo viên đạt khá - tỷ lệ 100%, 11/37 giáo viên xếp loại xuất sắc - tỷ lệ 29.72% [H2-2.2-02].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.2-04].

Mức 3:

Trường có giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo: 31/34 giáo viên – tỷ lệ 83.78%. Trong đó có 31/37 - tỷ lệ 83.78% giáo viên đạt trình độ đại học và 6/37 - tỷ lệ 16.2% giáo viên đạt trình độ cao đẳng [H2-2.2-01].

Trong 04 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, trường có 37/37 giáo viên – tỷ lệ 100% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên từ khá, tốt trở lên, năm học 2020 - 2021 có 11/37 giáo viên xếp loại xuất sắc – tỷ lệ 29.72% [H2-2.2-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng giáo viên theo quy định và đều đạt chuẩn 37/37 giáo viên - tỉ lệ 100%, trong đó đạt trên chuẩn 31/37 giáo viên - tỉ lệ 83.78%. 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên và có 11/37 giáo viên - tỉ lệ 29.72% xếp loại xuất sắc (2020- 2021).

3. Điểm yếu

Tỉ lệ giáo viên đánh giá chuẩn nghề nghiệp loại tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tỉ lệ còn thấp

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021 - 2022, nhà trường tiếp tục thực hiện kế hoạch nâng chuẩn, tạo điều kiện cho 6 giáo viên trình độ Cao đẳng tham gia học Đại học Sư phạm mầm non, dự kiến hoàn thành tốt nghiệp vào năm học 2021-2022. Đạt tỉ lệ 100% đại học. Bồi dưỡng chuyên môn, khuyến khích giáo viên tham gia đăng ký hội thi giáo viên giỏi, viết sáng kiến.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

- a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;
- b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;
- c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

- a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

- a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;
- b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường Mầm non Bông Sen có đủ nhân viên, giáo viên kiêm nhiệm phụ trách các hoạt động của nhà trường do Hiệu trưởng phân công: 01 kế toán, 01 nhân viên thủ quỹ kiêm văn thư, 01 nhân viên y tế, 04 bảo vệ, 02 nhân viên phục vụ, 06 cấp dưỡng [H2-2.3-01].

Nhân viên đều được qua trường lớp đào tạo chuyên ngành như: Kế toán có trình độ trung cấp chuyên ngành kế toán, y tế có trình độ trung cấp y sĩ; Thủ quỹ trình độ trung cấp văn thư; 06 cấp dưỡng đã qua sơ cấp nấu ăn trong đó có 02 cấp dưỡng trung cấp nấu ăn [H2-2.3-01]. Nhân viên của trường được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực [H1-1.7-02];

Đội ngũ nhân viên của nhà trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ chức trách được giao theo quy định tại Điều 36 của Điều lệ trường mầm non [H2-2.3-02].

Mức 2:

Trường có đủ số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định thực hiện có hiệu quả các công việc của nhà trường: 01 kế toán, 01 nhân viên văn thư kiêm thủ quỹ, 01 nhân viên y tế, 04 bảo vệ, 01 nhân viên phục vụ, 06 cấp dưỡng [H1-1.7-02].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.2-04].

Mức 3:

Nhân viên có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm như: Kế toán có trình độ trung cấp chuyên ngành kế toán; Y tế có trình độ trung cấp y sĩ; cấp dưỡng đã qua sơ cấp nấu ăn, có 01 bằng Trung cấp nấu ăn; nhân viên bảo vệ chưa được bồi dưỡng về nghiệp vụ bảo vệ [H2-2.2-01].

Hàng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm [H2-2.3-03].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ nhân viên, giáo viên kiêm nhiệm của nhà trường được phân công đúng chuyên môn và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ chức trách được giao theo quy định.

3. Điểm yếu

Nhân viên cấp dưỡng có bằng Trung cấp nấu ăn tỉ lệ còn thấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2020 – 2021, nhà trường duy trì phát huy các mặt mạnh, ngoài ra tạo điều kiện 02 cấp dưỡng học lớp Trung cấp nấu ăn, khóa học hoàn thành trong năm học 2020-2021. Những năm kế tiếp, sẽ có kế hoạch cho các cấp dưỡng còn lại tham gia học lớp Trung cấp nấu ăn. Nhà trường tạo điều kiện về thời gian và kinh phí cho nhân viên tham gia lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ .

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Điểm mạnh nổi bật:

Cán bộ quản lý nhà trường có năng lực, kinh nghiệm trong quản lý và tổ chức các hoạt động của nhà trường, nắm vững Chương trình Giáo dục mầm non. Giáo viên có trình độ chuyên môn trên chuẩn cao, được đánh giá, xếp loại theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.

Đội ngũ nhân viên, giáo viên kiêm nhiệm của nhà trường được phân công đúng chuyên môn và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ chức trách được giao theo quy định.

Điểm yếu cơ bản:

Nhà trường còn 03/34 giáo viên - tỷ lệ 8.82% giáo viên đạt trình độ trung cấp

Nhân viên cấp dưỡng có bằng Trung cấp nấu ăn tỉ lệ còn thấp

+ Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 03/03.

+ Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/03.

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu: Cơ sở vật chất của nhà trường được đầu tư, cải tạo ngày càng khang trang, hiện đại; các thiết bị, đồ dùng đồ chơi trong lớp và ngoài trời theo tiêu chuẩn do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành được trang bị đầy đủ để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục hiện nay. Các phòng học, bếp ăn, khuôn viên nhà trường, sân, vườn và khu vực cho trẻ chơi đảm bảo theo yêu cầu quy định.

Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn

Mức 1:

a) Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;

b) Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;

c) Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.

Mức 2:

a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định;

b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập;

c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao, hồ (nếu có).

Mức 3:

Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có tổng diện tích đất là đất là 5012.6m² bình quân 6.9 m²/trẻ, được xây dựng kiên cố, một trệt, 02 lầu, nền được lát gạch không trơn trượt, riêng nền nhà nhóm trẻ 25 – 36 tháng được lát bằng gỗ, đảm bảo đủ diện tích cho trẻ theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [H3-3.1-01].

Khuôn viên trường có tường rào bao quanh, được xây dựng chắc chắn, kiên cố; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ, cổng chính có biển tên trường theo quy định của Điều lệ trường mầm non [H3-3.1-02].

Nhà trường có sân chơi khá rộng rãi với diện tích 367 m², được quy hoạch, thiết kế phù hợp, thuận tiện cho trẻ vui chơi: khu chơi cát và nước, khu trò chơi dân gian, khu trò chơi vận động [H3-3.1-03]. Các lớp đều có hiên chơi: khối mẫu giáo hiên trước và hiên sau 31.46m², bình quân 0,79m²/trẻ; khối nhà trẻ hiên trước và hiên sau 30m², bình quân 1,2m²/trẻ; có lan can bao quanh bằng sắt cao 1,4m; có rào chắn an toàn khi trẻ chơi, trường có cây xanh, vườn cây, vườn rau dành riêng cho trẻ ươm cây, chăm sóc giúp trẻ khám phá, học tập, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ đều được sử dụng [H3-3.1-03].

Mức 2:

Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định cụ thể: diện tích xây dựng công trình 5.093 m², diện tích sân vườn, cây xanh, sân chơi, bãi tập 4.104,4 m² [H3-3.1-01].

Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập [H3-3.1-02]; [H3-3.1-04]. Tuy nhiên, sân chơi phía trước chưa có nhiều cây xanh tạo bóng mát cho trẻ khi tổ chức các hoạt động.

Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định, sân vườn luôn sạch sẽ, có đồ chơi ngoài trời phù hợp với trẻ như: Cầu trượt, leo núi, bập bênh nhún, thang leo, đu quay, xích đu, cầu thăng bằng, đồi cát, khu khám phá, trải nghiệm... [H3-3.1-05].

Mức 3:

Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ [H3-3.1-05].

2. Điểm mạnh

Trường có đủ diện tích đất sử dụng đạt theo quy định, được xây dựng kiên cố, có biển tên trường và tường rào bao xung quanh kiên cố đảm bảo an toàn. Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

3. Điểm yếu

Sân chơi ngoài trời chưa có góc chơi riêng cho trẻ nhà trẻ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021 – 2022, nhà trường quy hoạch, xây dựng tạo một số góc vận động cho trẻ nhà trẻ tham gia các hoạt động.

Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập

Mức 1:

a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm lớp theo độ tuổi;

b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2:

a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định

b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

Mức 3:

Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Trường có 18 phòng học, trong đó có 03 phòng nhóm nhà trẻ và 15 phòng lớp mẫu giáo. Sử dụng 03 phòng nhóm nhà trẻ 25 - 36 tháng và 15 phòng lớp mẫu giáo, trong đó 6 phòng lớp 5 - 6 tuổi, 5 phòng lớp 4 - 5 tuổi, 4 phòng lớp 3 - 4 tuổi. Trường đảm bảo phân chia số lớp theo đúng lứa tuổi, quy mô phòng học và hạng trường [H3-3.2-01].

Các phòng sinh hoạt chung, phòng chức năng đảm bảo an toàn, trang trí đẹp, có đủ đồ dùng; đảm bảo ấm áp về mùa lạnh thoáng mát về mùa hè. Phòng sinh hoạt chung: Diện tích phòng khối mẫu giáo 114 m²/phòng, bình quân 3,09m²/trẻ; có đủ ánh sáng, thoáng mát, nền nhà khô sạch; trẻ ăn ngủ tại phòng sinh hoạt; lớp được trang bị tủ kệ, tivi, đầu đĩa, casset, máy vi tính, kệ đồ chơi, đồ dùng cá nhân phục vụ hoạt động của cháu đảm bảo an toàn, đúng qui cách bố trí sắp xếp gọn gàng [H3-3.2-02]. Phòng Giáo dục nghệ thuật 114m² và Phòng Giáo dục thể chất đều có diện tích 91,2m² và lịch sinh hoạt cụ thể, Phòng Giáo dục nghệ thuật có gương áp tường và gióng múa, trang bị các đồ chơi âm nhạc, quần áo, trang phục, đạo cụ múa, đàn casio, máy casset. Phòng Giáo dục thể chất có thang leo, bộ tập gym, vòng, banh, các loại đồ chơi đi thăng bằng, nệm mouse để trẻ vận động được đảm bảo an toàn, phòng thư viện có nội quy phòng thư viện, trang bị đầy đủ các loại kệ để sách, tranh truyện phù hợp, có đủ bàn ghế nệm... tạo cho trẻ thoải mái khi đọc, xem sách [H3-3.2-03].

Các phòng đều có hệ thống đèn chiếu sáng phù hợp, đúng theo quy định, xung quanh phòng có trang bị quạt trần, tủ, kệ đựng hồ sơ, đồ dùng, trang thiết bị phù hợp với chức năng của từng phòng [H3-3.2-04].

Mức 2:

Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật đảm bảo đạt chuẩn theo quy định. [H3-3.2-02]; [H3-3.2-03].

Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng. Tuy nhiên đầu sách ở phòng thư viện chưa đa dạng, phong phú [H3-3.2-05].

Mức 3:

Trường có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với âm nhạc, trang bị đầy đủ các trang thiết bị như: Gương, đàn, dụng cụ âm nhạc, trang phục... Chưa có phòng riêng cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học [H3-3.2-03].

2. Điểm mạnh:

Các phòng sinh hoạt chung, phòng chức năng đảm bảo an toàn, trang trí đẹp, có đủ đồ dùng; đảm bảo ấm áp về mùa lạnh thoáng mát về mùa hè. Có hệ thống đèn, quạt đảm bảo an toàn cho trẻ.

3. Điểm yếu:

Chưa có phòng riêng cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong năm học 2021 - 2022 và những năm học tiếp theo, nhà trường sẽ chủ động tham mưu Phòng Giáo dục hỗ trợ kinh phí cải tạo thêm phòng riêng cũng như đầu tư trang thiết bị cần thiết cho trẻ làm quen với ngoại ngữ và tin học.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1:

- a) Có các loại phòng theo quy định;
- b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;
- c) Khu đỗ xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý đảm bảo an toàn, trật tự.

Mức 2:

- a) Đảm bảo diện tích theo quy định;
- b) Khu đỗ xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.

Mức 3:

Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có đầy đủ các loại phòng theo quy định như: Phòng hội trường, phòng hành chính, phòng Hiệu trưởng, phòng Phó Hiệu trưởng, phòng y tế, phòng nghỉ nhân viên, phòng bảo vệ [H3-3.3-01].

Các phòng đều được trang bị đầy đủ trang thiết bị như: Hệ thống âm thanh, máy chiếu, bàn ghế họp, tủ đựng hồ sơ, có máy vi tính nối mạng để làm việc và nghiên cứu; phòng y tế có tủ y tế các loại thuốc thông dụng cần thiết, có sổ sách theo dõi sức khỏe của trẻ và cán bộ, giáo viên, nhân viên có các biểu bảng theo quy định. Tuy nhiên phòng hội trường không có hệ thống máy điều hòa nên không đủ mát lúc trời nắng nóng, nhất là buổi trưa, chiều. [H3-3.3-02].

Khu đỗ xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn tiện lợi. [H3-3.3-03].

Mức 2:

Các phòng hành chính - quản trị đảm bảo đủ diện tích theo quy định tại Điều lệ trường mầm non như: Phòng hội trường có diện tích 91.2m², phòng Hiệu trưởng diện tích 20.5m², phòng Phó Hiệu trưởng diện tích 18,28m², phòng hành chính diện tích 21,28m², phòng y tế diện tích 18m², phòng bảo vệ diện tích 9m², phòng nghỉ nhân viên diện tích 17,28m² [H3-3.1-01].

Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được xây dựng kiên cố nằm chung trong hệ thống công trình chính của trường, đảm bảo an toàn, trật tự, tiện lợi. Tuy nhiên với diện tích 63m² chưa đủ đáp ứng số lượng xe của trường [H3-3.1-01].

Mức 3:

Các phòng đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non [H3-3.1-01].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non. Các phòng đều được trang bị đầy đủ trang thiết bị, máy vi tính nối mạng internet. Khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên có mái che được bố trí phía hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

3. Điểm yếu:

Nhà xe giáo viên nhân viên diện tích nhỏ, chưa đủ đáp ứng với số lượng xe của trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2021-2022 nhà trường sẽ có kế hoạch cân đối kinh phí mở rộng nhà xe với diện tích 50m² đáp ứng nhu cầu sử dụng.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn

Mức 1:

- a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;
- b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;
- c) Trường có 1 tủ lưu mẫu thức ăn.

Mức 2:

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

Mức 3:

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Bếp ăn được xây dựng kiên cố, có diện tích $297 \text{ m}^2/635$ trẻ trung bình $0.46 \text{ m}^2/\text{trẻ}$, được thiết kế theo quy trình bếp một chiều; sử dụng gas công nghiệp, có đủ các phương tiện phục vụ nấu ăn, với các máy móc thiết bị hiện đại như: tủ hấp cơm, tủ sấy chén, máy xay thịt, máy vắt rau, củ, quả, sinh tố, có phòng giặt được trang bị máy giặt, máy hấp khăn cho trẻ [H3-3.4-01].

Kho thực phẩm với diện tích $11,4 \text{ m}^2$, có phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, thực hiện đúng các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, có bảng ghi tồn kho theo quy định [H3-3.4-01].

Có 01 tủ lưu mẫu thức ăn đạt yêu cầu, hộp lưu mẫu được sắp xếp ngăn nắp, đúng nhiệt độ để bảo quản thức ăn, 01 tủ lạnh bảo quản thực phẩm, 01 tủ mát để yaourt [H3-3.4-01].

Mức 2:

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, diện tích $297 \text{ m}^2/635$ trẻ - bình quân $0.46 \text{ m}^2/\text{trẻ}$, được sắp xếp theo quy trình vận hành bếp 1 chiều từ khu tiếp phẩm, khu sơ chế, khu rửa, khu vắt thái, khu chế biến, khu chia thức ăn [H3-3.4-01]. Có đầy đủ đồ dùng bằng inox như: Xe đẩy, tủ hấp cơm, máy sấy tô chén, máy xay thịt, máy vắt rau, củ, quả, máy xay sinh tố, sắp xếp ngăn nắp, thuận tiện [H3-3.4-01]; Có hệ thống hút khói, thoát mùi [H3-3.4-01]; Bảng biểu phục vụ hoạt động bếp ăn [H3-3.4-01]; Có tủ lạnh để lưu mẫu thực phẩm cho trẻ, đủ nước sử dụng và được xét nghiệm đạt tiêu chuẩn theo quy định [H3-3.4-02].

Mức 3:

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn theo quy trình bếp một chiều.

Nhà bếp thông thoáng, đủ ánh sáng, các cửa sổ có cửa lưới để chống chuột, ruồi, gián hoặc côn trùng khác. Tường, trần nhà nhẵn, bằng phẳng thuận tiện cho việc làm vệ sinh khử trùng. Bàn ghế, vật dụng nhà bếp được inox hóa, có đủ các phương tiện phục vụ cho việc làm vệ sinh, khử trùng. Có tủ lạnh, tủ đông, tủ mát để bảo quản thực phẩm. Bếp có hệ thống nước sạch, trang bị nơi rửa tay và xà phòng để nhân viên cấp dưỡng sử dụng, có đủ phương tiện thu

gom vận chuyển rác thải, thực phẩm, thức ăn thừa chắc chắn, thuận tiện cho việc làm vệ sinh.

2. Điểm mạnh

Bếp ăn được xây dựng kiên cố đảm bảo theo Tiêu chuẩn bếp một chiều về yêu cầu thiết kế trường mầm non. Đồ dùng nhà bếp đầy đủ, đảm bảo vệ sinh; kho thực phẩm sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp và thuận tiện cho việc sử dụng; có tủ lưu mẫu thức ăn riêng. Bếp ăn đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm.

3. Điểm yếu

Không có

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục có kế hoạch duy trì và bảo dưỡng trang thiết bị và đồ dùng nhà bếp, bếp ăn luôn đảm bảo đúng theo tiêu chuẩn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

Mức 1:

a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 03 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành danh mục đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non [H3-3.5-01].

Ngoài các thiết bị đồ dùng, đồ chơi có trong danh mục, nhà trường còn đầu tư một số đồ dùng đồ chơi ngoài danh mục quy định phục vụ cho yêu cầu giảng dạy của giáo viên và vui chơi của trẻ như: Các loại lắp ráp, các loại cờ học tập, nguyên vật liệu tạo hình, sách truyện góc thư viện, được giáo viên sưu tầm, sáng tạo, tự làm... đảm bảo tính giáo dục, an toàn, thẩm mỹ, hiệu quả phù hợp với từng độ tuổi [H3-3-05-02]. Các đồ dùng, đồ chơi do giáo viên tự tạo bằng nguyên vật liệu độ bền chưa cao.

Trước khi vào năm học mới, nhà trường kiểm kê, sửa chữa, công cụ dụng cụ bị hư hỏng, bổ sung thêm đồ dùng đồ chơi tự làm [H3-3-05-03].

Mức 2:

Trường trang bị hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học, mỗi phòng ban đều có máy tính kết nối mạng, sử dụng các phần mềm như: Phần mềm Imas, EPmis, Mind Manger 8.0, phần mềm quản lý tài sản [H3-3-05-04]. Các lớp sử dụng máy tính cho trẻ học tập các trò chơi Kidmas [H3-3-05-05].

Nhà trường có đủ thiết bị dạy học đồ chơi, đồ dùng cá nhân theo quy định, sử dụng hiệu quả trong công tác dạy và học tại Điều lệ trường mầm non [H3-3-05-06].

Hằng năm, trường có kế hoạch bổ sung, thay thế, nâng cấp thiết bị, đồ dùng, đồ chơi ngoài danh mục thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 03 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo để cho phù hợp như: Các loại đồ chơi lắp ráp, các khối và các đồ chơi tự tạo bằng nguyên vật liệu mở (trò chơi bé làm nhạc công, đi trên gáo dừa, ném vòng vào cổ chai,...) nhằm phục vụ tốt công tác chăm sóc và giáo dục trẻ [H3.3.05.07].

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định chưa được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ. Hằng năm, trường có kế hoạch bổ sung, thay thế, nâng cấp thiết bị, đồ dùng, đồ chơi ngoài danh mục.

3. Điểm yếu

Các đồ dùng, đồ chơi do giáo viên tự tạo bằng nguyên vật liệu độ bền chưa cao.

Chưa có phòng thư viện thông minh cho các lớp đề án.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục dự trù mua sắm, sửa chữa, bổ sung các đồ dùng đồ chơi đảm bảo theo tiêu chuẩn kỹ thuật đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Trong năm 2021-2022 nhà trường xây dựng 01 thư viện thông minh và những năm tiếp theo bổ sung một số máy tính bảng, bàn tương tác cho trẻ hoạt động.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Mỗi lớp học đều có phòng vệ sinh cho trẻ, có đủ bồn tiểu, bồn cầu có vách ngăn cách riêng cho trẻ theo giới tính, lavabo cho trẻ rửa tay, có nhà vệ sinh riêng cho giáo viên; có 02 khu nhà vệ sinh chung cho cán bộ, giáo viên, nhân viên [H3-3.6-01]. Tất cả phòng vệ sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường và thuận tiện cho việc sử dụng [H3-3.6-02]. Trường không có trẻ khuyết tật [H1-1.2-05]. Phòng vệ sinh của lớp được trang bị đầy đủ, sạch sẽ, đẹp cho các cháu sử dụng.

Trường có hệ thống thoát nước, cống rãnh được xây có nắp đậy, đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.6-03]. Sử dụng nguồn nước máy để chế biến thức ăn, sử dụng nguồn nước giếng trong sinh hoạt và trong vệ sinh cá nhân, có thực hiện xét nghiệm vi sinh, lý hóa mỗi năm đều đạt tiêu chuẩn [H3-3.6-04]; Các cháu được uống nước khoáng SAKA của công ty TNHH Saka Water 12 Trần Văn Châm, ấp 3, xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi, TPHCM, có chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định sản xuất nước uống đóng bình, đóng chai theo tiêu chuẩn ISO 22000: 2018 cung cấp đủ nước uống cho trẻ, giáo viên, nhân viên [H3-3.4-02].

Trường thực hiện ký hợp đồng thu gom rác với hợp tác xã Bảo Tính, xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn, hằng ngày được vận chuyển đến nơi xử lý tập trung theo các quy định hiện hành, không có rác thải, nước thải tồn đọng trong khu vực trường gây ô nhiễm môi trường [H3-3.6-05]. Trường có thùng đựng và phân loại rác thải, khu vực hành lang và các lớp có thùng đựng rác thải, khu vực thu gom rác có trang bị nhiều thùng rác lớn, có nắp đậy, đảm bảo vệ sinh môi trường sạch sẽ [H3-3.6-06].

Mức 2:

Phòng vệ sinh được xây khép kín bên trong các nhóm, lớp, nhà vệ sinh lớp mẫu giáo có diện tích 22,8m², trung bình 0,6m²/trẻ, nhà vệ sinh nhóm nhà trẻ có diện tích 15,20m² trung bình 0,6m²/trẻ, thiết bị vệ sinh phù hợp với trẻ, đủ phục vụ cho trẻ vệ sinh cá nhân, được phân chia nam, nữ riêng biệt, thuận tiện cho việc sử dụng và quan sát, mỗi bồn vệ sinh đều có vòi xịt rửa, có ghế bô cho trẻ nhà trẻ, vòi xịt cho cô làm vệ sinh cho trẻ [H3-3.6-07]. Trường có 02 khu nhà vệ sinh cho nhân viên, giáo viên diện tích mỗi khu vệ sinh là 32,5m²/khu trong đó có khu vệ sinh nam nữ riêng, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định [H3-3.6-01].

Trường sử dụng hệ thống nước sạch đảm bảo đủ nước uống và nước dùng trong sinh hoạt cho trẻ, cán bộ, giáo viên, nhân viên [H3-3.4-02]; [H3-3.6-04]. Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo

dục và Đào tạo và Bộ Y tế, có cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không để nước ứ đọng xung quanh trường lớp, có hệ thống thoát nước riêng cho khu vực nhà bếp, nhà vệ sinh, có thùng đựng và phân loại rác thải, bố trí đủ các thùng rác có nắp đậy để phân loại, chứa đựng rác tạm thời, thuận tiện cho việc làm vệ sinh và khử trùng, khu tập trung rác thải được bố trí cách biệt với các khu vực khác và có lối ra vào riêng, rác được thu gom hằng ngày, không có rác tồn đọng trong khu vực trường gây ô nhiễm môi trường [H3-3.6-08].

2. Điểm mạnh

Phòng vệ sinh được xây khép kín bên trong nhóm, lớp; khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng hợp với cảnh quan và quy định, sạch sẽ, thoáng mát. Trường có hệ thống nước sạch, đảm bảo nguồn nước phục vụ cho mọi sinh hoạt trong nhà trường; hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh.

3. Điểm yếu

Không có

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục duy trì và bảo quản hệ thống nước sạch, đảm bảo nguồn nước phục vụ cho mọi sinh hoạt trong nhà trường; hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh. Trong năm học 2021-2022 lắp đặt một số máy sấy tay cho các lớp đề án.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Điểm mạnh nổi bật:

Trường được thiết kế xây dựng kiên cố, thoáng mát; khuôn viên trường có tường rào bao quanh, có biển tên trường; hệ thống nước sạch, đảm bảo nguồn nước phục vụ cho mọi sinh hoạt trong nhà trường; hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh.

Phòng sinh hoạt chung đảm bảo an toàn, sạch sẽ, thoáng mát, với đầy đủ đồ dùng phục vụ cho trẻ theo quy định. Mỗi lớp đều có nhà vệ sinh riêng thuận tiện cho giáo viên và trẻ sử dụng.

Nhà trường trang bị đầy đủ đồ dùng nhà bếp phục vụ trẻ ăn bán trú, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn, kho thực phẩm sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp và thuận tiện cho việc sử dụng.

Trường trang bị đầy đủ các đồ dùng, đồ chơi trong lớp và ngoài trời theo danh mục đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ.

Điểm yếu cơ bản:

Chưa xây dựng được khu vui chơi riêng biệt cho trẻ nhà trẻ.

Các đồ dùng, đồ chơi do giáo viên tự tạo bằng nguyên vật liệu mở chưa có độ bền cao.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06.

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu: Trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh nhiệt tình năng nổ hoạt động theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp cùng nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động phù hợp với hoạt động của nhà trường trong công tác chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ. Trường làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đồng thời góp phần xây dựng cơ sở vật chất nhà trường ngày một khang trang.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ

Mức 1

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

Mức 3

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1

Hằng năm, nhà trường tiến hành tổ chức họp toàn thể Ban đại diện Cha mẹ học sinh và bầu ra Ban đại diện Cha mẹ học sinh gồm có 01 trưởng ban, 01 phó ban, 01 thư ký và 03 ủy viên; hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh [H4-4.1-01].

Ban đại diện cha mẹ học sinh có kế hoạch hoạt động từng năm học theo quy định của Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT. [H4-4.1-02].

Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ thông qua họp đầu năm học, bản tin của trường, lớp và thông qua việc trao đổi trực tiếp với giáo viên chủ nhiệm của từng nhóm lớp [H4-4.1-02].

Mức 2

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục [H4-4.1-02]. Hướng dẫn tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục cha mẹ trong công tác chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ thông qua họp đầu năm học, bản tin của lớp, vận động cha mẹ trẻ tham dự nghe bác sĩ báo cáo chuyên đề tại trường và tư vấn hướng dẫn cha mẹ trẻ về cách chăm sóc sức khỏe cho trẻ. Tuy nhiên số lượng phụ huynh tham gia vào các chuyên đề của trường còn hạn chế, vì một số phụ huynh bận công tác nên chưa có thời gian tham gia vào nhiều hoạt động của nhà trường [H4-4.1-03]. Giáo viên các lớp và phụ huynh thường xuyên trao đổi thông tin về tình hình sức khỏe, tình hình ăn ngủ của trẻ trong ngày qua giờ đón, trả trẻ, sổ bé ngoan, sổ liên lạc, trên các grup của lớp để có sự thống nhất trong chăm sóc giáo dục trẻ [H4-4.1-04].

Mức 3

Ban đại diện cha mẹ trẻ em phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT. [H4-4.1-02].

2. Điểm mạnh:

Ban đại diện cha mẹ trẻ em hoạt động theo Điều lệ ban hành, phối hợp cùng nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động có hiệu quả trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu:

Một số phụ huynh bận công tác nên chưa có thời gian tham gia vào nhiều hoạt động của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì tổ chức các buổi chuyên đề để tuyên truyền đến phụ huynh những kiến thức về chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ. Đẩy mạnh công tác phối hợp, tạo cầu nối vững chắc giữa nhà trường và gia đình, giữa giáo viên và phụ huynh, dùng nhiều hình thức tuyên truyền như: qua các buổi họp phụ huynh học sinh, bảng tin của trường, lớp, trao đổi trực tiếp, lễ hội,.. để tạo sự quan tâm nhiều hơn của phụ huynh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

Mức 3

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1

Hằng năm, trường tham mưu với Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã Thới tam Thôn trong việc huy động trẻ 5 tuổi ra lớp đạt tỷ lệ 100% theo Đề án phổ cập Giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi [H4-4.2-01]; đề xuất Ủy ban nhân dân xã các

biện pháp giữ gìn an ninh trật tự xung quanh trường; Ký kết quy chế phối hợp với công an xã Thới Tam Thôn về đảm bảo an ninh trường học [H4-4.2-02].

Nhà trường phối hợp tốt với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân và cha mẹ học sinh để tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng nhiều hình thức như: Thông qua các cuộc họp giữa nhà trường và cha mẹ trẻ, trao đổi giữa cán bộ, giáo viên và cha mẹ trẻ em, thông qua bản tuyên truyền của trường và nhóm lớp, giảm học phí, hỗ trợ ăn trưa cho trẻ hộ nghèo, cận nghèo. [H4-4.1-03].

Trường thường xuyên liên hệ chặt chẽ với công an xã, xã đội không để tình trạng mua bán gây ùn tắc giao thông trước cổng trường, đảm bảo an ninh, an toàn trong trường [H4-4.2-02]; phối hợp với trạm y tế xã tập huấn, tuyên truyền cho cán bộ, giáo viên, nhân viên về kiến thức, kỹ năng cơ bản để xử lý kịp thời những tình huống xảy ra nhằm đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ [H4-4.2-04]

Mức 2

a) Hằng năm, nhà trường phối hợp với chính quyền địa phương và Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn hỗ trợ 100% học phí cho học sinh thuộc hộ nghèo, học sinh thuộc dân tộc theo quy định Nhà nước tạo điều kiện giúp các cháu tiếp tục đến trường [H4-4.2-03] hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non [H4-4.2-01]. Tham mưu với cấp ủy Đảng, Ủy ban nhân dân xã Thới Tam Thôn, UBND huyện, phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn trang bị bổ sung cơ sở vật chất xây dựng trường, lớp theo đề án, xây dựng Đơn vị văn hoá, trường học An toàn, an ninh, trật tự phục vụ tốt công tác chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ tại đơn vị, tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển [H1-1.8-04]; [H4-4.2-02]; [H4-4.2-05].

Nhà trường phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương như: Ngày hội Bé đến trường, Tết Trung Thu, lễ hội Giáng sinh, tham quan doanh trại bộ đội, tham quan di tích lịch sử Ngã Ba Giòng, lễ hội Tết và mùa xuân, Giỗ tổ Hùng Vương, tham quan trường Tiểu học Nguyễn Thị Nuôi. Kết nối với các công ty tổ chức lễ hội, trải nghiệm thực tế...[H4-4.2-06].

Mức 3

Nhà trường chưa xây dựng được kế hoạch tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường thực hiện tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, đoàn thể để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ và xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn và phát triển về mọi mặt cho trẻ.

3. Điểm yếu

Trong năm học 2020-2021 nhà trường chưa huy động được các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2021- 2022 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy có hiệu quả việc tham mưu với chính quyền địa phương, đồng thời huy động được nhiều nguồn lực xã hội, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương. Nhà trường xây dựng kế hoạch tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về tiêu chuẩn 4:

Điểm mạnh nổi bật:

Huy động tốt các nguồn tài chính hợp pháp của cha mẹ học sinh hỗ trợ nhà trường trong công tác tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ như: Tổ chức các buổi tham quan di tích lịch sử, tham quan doanh trại bộ đội, trường Tiểu học, tổ chức các ngày hội, ngày lễ, trung thu, 20/11, hội xuân, giỗ tổ Hùng Vương, hội thi văn nghệ của cô và trẻ. Theo Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Nhà trường làm tốt công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường, có mối liên hệ mật thiết với phụ huynh học sinh và chính quyền địa phương để giữ gìn an ninh trật tự, tài sản,

huy động được các nguồn lực giúp nhà trường nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

Điểm yếu cơ bản:

Nhà trường chưa xây dựng được kế hoạch tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/02

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Mở đầu:

Công tác chăm sóc, giáo dục luôn là nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng trong trường mầm non. Chính vì vậy, trường Mầm non Bông Sen thực hiện Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi và theo chỉ đạo của ngành. Giáo viên của trường biết sử dụng phương pháp dạy học tích cực, tổ chức hình thức giáo dục đa dạng nhằm giúp trẻ phát triển tốt về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, thẩm mỹ. Giáo viên còn hình thành cho trẻ một số kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, giúp trẻ có hành vi, thói quen tốt, tự tin, chủ động, biết bày tỏ cảm xúc và ý kiến cá nhân, đoàn kết với bạn bè, mạnh dạn trong giao tiếp, lễ phép với người lớn, đáp ứng được mục tiêu của Chương trình Giáo dục mầm non. Cán bộ quản lý có kế hoạch kiểm tra đánh giá quá trình phát triển của trẻ theo các lĩnh vực một cách thường xuyên, đảm bảo tính khách quan để cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong trường có kế hoạch nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ giúp trẻ phát triển một cách toàn diện. Trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân - béo phì luôn được quan tâm chăm sóc.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non

Mức 1

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;
- b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;
- c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.

Mức 2

a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;

b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.

Mức 3

a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương.

b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1

Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch từng năm học phù hợp với chỉ đạo của ngành, đặc điểm tình hình của từng nhóm lớp và được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn phê duyệt [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

Trong quá trình thực hiện kế hoạch năm học, tùy tình hình nhận thức của trẻ trong nhóm lớp và đặc điểm cơ sở vật chất của nhà trường, 100% giáo viên các nhóm lớp phát triển Chương trình giáo dục mầm non theo theo Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-GDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1-1.8-01]. Các lớp thực hiện kế hoạch đầy đủ trên phần mềm Mindjet MindManager 8, kịp thời cập nhật theo năm, tháng, tuần và giáo án cụ thể chuẩn bị cho việc tổ chức các hoạt động cho trẻ [H1-1.8-02].

Từng tháng các tổ kiểm tra chéo kế hoạch giáo dục, cuối học kỳ, BGH, tổ TCM kiểm tra, nhận xét, đánh giá kế hoạch giáo dục của giáo viên để kịp thời rà soát, điều chỉnh kế hoạch phù hợp mang lại hiệu quả chăm sóc, giáo dục trẻ [H1-1.8-03]. Tuy nhiên, trong sinh hoạt chuyên môn còn một số giáo viên chưa tích cực thảo luận, chia sẻ, trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ cùng đồng nghiệp, còn

ngại nêu thắc mắc những vấn đề chưa rõ trong việc thực hiện chương trình giáo dục [H1-1.4-04]; [H1-1.8-02].

Mức 2

37/37 giáo viên đạt tỷ lệ 100% số giáo viên biết áp dụng, thực hiện chương trình, 100% nhóm lớp xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng: Chương trình giáo dục phù hợp từng lứa tuổi, có nội dung phát triển các lĩnh vực của trẻ, các hình thức giáo dục đa dạng [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

Năm học 2020 - 2021, số trẻ được theo dõi, đánh giá chất lượng giáo dục là 635/635 trẻ, tỷ lệ 100% trẻ toàn trường, số trẻ đạt tốt trên các lĩnh vực giáo dục với tỉ lệ như sau: Thể chất: 635/635 trẻ tỉ lệ 100%, nhận thức: 635/635 trẻ tỉ lệ 100%, ngôn ngữ: 600/635 trẻ tỉ lệ 94.49%, thẩm mỹ: 615/635 trẻ tỉ lệ 96.85%, tình cảm và kỹ năng xã hội: 620/635 trẻ tỉ lệ 97.63%, có 250/250 trẻ 5-6 tuổi được chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục mầm non đạt tỷ lệ 100%; 250/250 trẻ lớp lá trong trường được theo dõi đánh giá theo Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi, tỷ lệ 100% [H5-5.1-01]; [H5-5.1-02].

Mức 3

Nhà trường chưa đủ điều kiện phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương.

Hằng năm nhà trường tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục nhằm kịp thời điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em [H5-5.1-01].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường tổ chức thực hiện tốt Chương trình giáo dục mầm non theo đúng kế hoạch đề ra, có sự theo dõi định kỳ rà soát và đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non để giáo viên có sự điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện, văn hóa địa phương và đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ em góp phần nâng cao chất lượng dạy và học của nhà trường.

Tổ chức 05 chuyên đề trọng tâm trong năm học của nhà trường và 01 chuyên đề cấp huyện, các hoạt động ngoại khoá kết hợp với công ty sự kiện Sanakids, công ty Lữ Hành Quốc Tế, tổ chức chương trình “ Kết nối bạn bè, phát triển tiềm năng” “ Lễ hội bản sắc Châu Á”, “Cùng TiNi khám phá năm Châu” cho trẻ khối Mầm, Siêu thị Mini tại trường (Khôi Lá) thăm quan di tích

lịch sử Ngã Ba Giồng, giao lưu các chú bộ đội Sư đoàn 317 nhân ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam 22/12 (khối Chồi, Lá), Trường Tiểu học... Tổ chức Hội thi vẽ tranh sáng tạo của cô và trẻ với 3 độ tuổi (Mầm, Chồi, Lá)

3. Điểm yếu:

Nhà trường chưa có điều kiện tổ chức cho CB, GV tham quan học tập một số trường bạn về xây dựng đề án trường tiên tiến hội nhập khu vực và quốc tế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong năm học 2021-2022 nhà trường có kế hoạch tham mưu PGD tổ chức cho CB, GV tham quan học tập một số trường bạn trong thành phố.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

Mức 1

a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;

b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 2

Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 3

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1

Giáo viên nghiêm túc thực hiện các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ trên cơ sở vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục và phù hợp với đặc điểm tình hình của nhóm lớp, điều kiện nhà trường cũng như đặc điểm phát triển của cá nhân trẻ [H1-1.8-02].

Chú trọng tổ chức môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm nhằm tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm dựa trên hứng thú, nhu cầu của trẻ; đánh giá đúng, tôn trọng và phát huy được khả năng, thế mạnh của mỗi trẻ; tạo điều kiện giúp mỗi đứa trẻ đều có cơ hội tốt nhất để phát triển [H1-1.8-02]; [H5-5.2-01].

Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế tại nhóm lớp như: hoạt động có chủ định của giáo viên, hoạt động lễ hội, hoạt động tham quan, dã ngoại, hoạt động trong lớp, hoạt động ngoài trời, hoạt động cả lớp- nhóm- cá nhân [H5-5.2-01].

Mức 2

Nhà trường chú trọng tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế, các lớp bố trí góc khoa học với nguyên vật liệu phong phú để trẻ thí nghiệm theo nhu cầu, giáo viên tạo điều kiện cho trẻ quan sát, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh khi tổ chức hoạt động dạy học, hoạt động ngoài trời, tham quan, dã ngoại. Tuy nhiên nhà trường chưa tổ chức được nhiều các hoạt động trải nghiệm thực tế cho trẻ. [H1-1.8-02]; [H5-5.2-01].

Mức 3

Nhà trường tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”, trong lớp học có đủ các góc chơi, đủ đồ dùng, đồ chơi, mảng tường của lớp có các trò chơi cho trẻ hoạt động, ngoài lớp học có bố trí đồ chơi ngoài trời, khu chơi vận động, khu vực trồng rau, khu chơi cát, chơi nước, sân trường vẽ một số trò chơi vận động, dân gian [H5-5.2-01].

2. Điểm mạnh:

Giáo viên linh hoạt tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm và nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế của từng nhóm, lớp. Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm chơi mà học, học bằng chơi.

3. Điểm yếu:

Nhà trường chưa tổ chức được cho nhiều trẻ ở các độ tuổi tham gia các hoạt động trải nghiệm thực tế cho trẻ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường xây dựng kế hoạch phối hợp với phụ huynh để tổ chức cho trẻ ở các độ tuổi đều được tham quan, trải nghiệm hoặc mời nghệ nhân đến hướng dẫn trẻ thực hành một số hoạt động thực hành, khám phá tại trường...

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

Mức 1

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;

c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 2

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 3

Có ít nhất 95% trẻ em khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1

Ngay từ đầu năm học, nhà trường kết hợp với Trung tâm Y tế dự phòng huyện Hóc Môn tổ chức 100% trẻ được khám sức khỏe chuyên khoa đầu năm và theo dõi sức khỏe cân, đo bằng biểu đồ tăng trưởng 3 đợt trong năm học, đối với trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi được cân đo theo dõi hàng tháng. Mời Bác sĩ trung tâm dinh dưỡng Thành phố báo cáo chuyên đề “Chế độ dinh dưỡng cho trẻ suy dinh dưỡng và béo phì” cho phụ huynh tham dự. Trẻ được uống thuốc tẩy

giun 2 lần/ năm 549/635 (nhà trẻ không uống). Trẻ uống vitamin A: 238 trẻ. Ngoài ra, nhà trường còn phối hợp chặt chẽ với trạm y tế xã Thới Tam Thôn chăm lo sức khỏe cho trẻ như tiêm ngừa vắc-xin sởi, phòng chống dịch bệnh sốt xuất huyết, tẩy chân miệng chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ [H5-5.3-01].

Năm học 2020 - 2021: 635/635 đạt 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định [H5-5.3-02].

100% trẻ em suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, trẻ suy dinh dưỡng-dư cân-béo phì được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng và báo cáo hàng tháng [H5-5.3-03]. Có chế độ dinh dưỡng riêng cho trẻ suy dinh dưỡng, trẻ thừa cân - béo phì, kết hợp cho trẻ tăng cường vận động mỗi sáng theo lịch vận động dư cân [H5-5.3-03]. Năm học 2020 - 2021, tình trạng dinh dưỡng của trẻ em cải thiện so với đầu năm học:

- Trẻ bình thường kênh A đầu năm 516/635 - tỉ lệ: 81.3%, cuối năm 563/635 - tỉ lệ: 88.7 %.

- Tỉ lệ trẻ SDD về cân nặng đầu năm: 11/635 - tỉ lệ: 1.73%, cuối năm còn 4/635 - tỉ lệ: 0.6 %. So với đầu năm giảm 1.13 % (7 cháu).

- Tỷ lệ trẻ thấp còi đầu năm: 13/635 - tỉ lệ: 2%, cuối năm còn 4/635 - tỉ lệ: 0.64 %. So với đầu năm giảm 1.36 % (8 cháu).

- Tỷ lệ trẻ thừa cân, béo phì: đầu năm: 108/635 - tỉ lệ: 17%, cuối năm còn 68/635 - tỉ lệ: 10.7 %. So với đầu năm giảm 6.3 % (40cháu). [H5-5.3-03].

Mức 2

Nhà trường có kế hoạch tổ chức tuyên truyền, tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ em trong công tác phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì cho trẻ như: tổ chức chuyên đề mời Bác sĩ trung tâm dinh dưỡng Thành phố, tư vấn chế độ dinh dưỡng hợp lý dành cho trẻ đến phụ huynh; tuyên truyền kiến thức khoa học về tác hại, nguyên nhân dẫn đến tình trạng dư cân, béo phì [H5-5.3-01].

Chế độ dinh dưỡng của trẻ em tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định tại Quyết định số 777/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2017 (điều chỉnh lại điểm d khoản 2 Điều 1 Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT), xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi, thực đơn được xây dựng đa dạng, phong phú, theo ngày, theo tuần, theo mùa, thực đơn trong

tuần không trùng lặp nhau, ngoài ra trẻ còn được uống sữa, ăn yaourt, bánh flan [H5-5.3-04].

Trường tổ chức cân cho trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân béo phì hàng tháng và báo kết quả cân đo cho phụ huynh, đồng thời trao đổi thông tin của trẻ đến phụ huynh nhằm có biện pháp hợp lý cải thiện tình trạng sức khỏe của trẻ trong việc chọn sữa phù hợp thể trạng và thời gian bổ sung sữa hợp lý trong ngày cho trẻ, năm học 2019 - 2020, tình trạng dinh dưỡng của trẻ em cải thiện so với đầu năm học

- Tỷ lệ trẻ SDD về cân nặng đầu năm: 11/635 - tỉ lệ: 1.73%, cuối năm còn 4/635 - tỉ lệ: 0.6 %. So với đầu năm giảm 1.13 % (7 cháu).

- Tỷ lệ trẻ thấp còi đầu năm: 13/635 - tỉ lệ: 2%, cuối năm còn 4/635 - tỉ lệ: 0.64 %. So với đầu năm giảm 1.36 % (8 cháu).

- Tỷ lệ trẻ thừa cân, béo phì: đầu năm: 108/635 - tỉ lệ: 17%, cuối năm còn 68/635 - tỉ lệ: 10.7 %. So với đầu năm giảm 6.3 % (40 cháu). [H5-5.3-03].

Mức 3

Tính đến thời điểm đánh giá có 563/635 - tỉ lệ: 88.7 % trẻ em khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường, chưa đạt 95% [H5-5.3-02].

2. Điểm mạnh:

Trường phối hợp tốt với trạm y tế xã Thới tam Thôn trong công tác chăm sóc sức khỏe, tiêm ngừa, phòng chống dịch bệnh cho trẻ, trẻ phát triển bình thường theo độ tuổi đạt tỷ 88.7% . Chế độ dinh dưỡng của trẻ em tại trường được đảm bảo cân đối; trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp.

3. Điểm yếu:

Trẻ suy dinh dưỡng mãn vẫn còn, không giảm được 100% đến cuối năm.

Tỷ lệ trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường chưa đạt 95% trở lên.

Tỷ lệ trẻ béo phì còn cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2021 -2022 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục thực hiện tốt công tác phối hợp với cơ sở y tế, đoàn thể trong trường và phụ huynh trong công tác nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe trẻ. Tập thể nhà trường tuyên truyền đến phụ huynh các thông tin kiến thức trong việc đảm bảo chế độ ăn hợp

lý cho trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân - béo phì, tạo nhiều cơ hội giúp trẻ được vận động và tiếp xúc nhiều hơn với nắng sáng, bổ sung sữa hợp lý cho trẻ ở nhà cũng như ở trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục

Mức 1

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi.

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%.

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

Mức 2

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.

Mức 3

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%.

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1

Giáo viên phối hợp tốt với phụ huynh và quản lý trẻ hằng ngày; khi trẻ vắng không phép, giáo viên chủ động liên hệ với phụ huynh để biết lý do trẻ nghỉ học, trẻ đi học chuyên cần đạt 93,17% trong đó trẻ 5 tuổi đạt 95,26% trẻ

lứa tuổi khác đạt 91,08% [H5-5.4-01]. Tuy nhiên, một số trẻ còn nghỉ học do phụ huynh cho trẻ về quê, tham quan du lịch.

Trường thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục mầm non và nâng cao chất lượng giáo dục trẻ 05 tuổi, tỉ lệ trẻ 05 tuổi hoàn thành Chương trình Giáo dục mầm non đạt tỷ lệ 100% [H5-5.4-02].

Năm học 2016 - 2021 đến nay trường có 06 trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.2-04].

Mức 2

Tỷ lệ chuyên cần trẻ 5 tuổi đạt 95,26 %; trẻ dưới 5 tuổi 91,08% [H5-5.4-01].

Trẻ 05 tuổi hoàn thành Chương trình Giáo dục mầm non đạt tỷ lệ 100% [H5-5.4-02]

Năm học 2016 - 2021 đến nay trường 06 có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.2-05].

Mức 3

Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt trên mức quy định, năm học 2020 - 2021, trường có 250/250 trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non, đạt tỷ lệ 100% [H5-5.4-02].

Năm học 2016 - 2021 đến nay trường 06 có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.2-05].

2. Điểm mạnh:

Tỷ lệ chuyên cần đạt trên mức quy định: trẻ 5 tuổi đạt 95,26%; trẻ dưới 5 tuổi đạt 91.08%. Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt trên mức quy định. Năm học 2020 - 2021, trường có 250/250 trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt tỷ lệ 100%.

3. Điểm yếu:

Tỷ lệ trẻ nhà trẻ đi học chuyên cần chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2020 - 2021 và những năm tiếp theo trường tiếp tục tăng cường tuyên truyền, phối hợp với các đoàn thể trong xã và phụ huynh duy trì và thực hiện tốt đề án phổ cập giáo dục trẻ 5 tuổi tại trường và duy trì được tỷ lệ chuyên cần của trẻ, nâng cao thể lực của trẻ nhóm nhà trẻ nhằm từng bước nâng cao tỉ lệ chuyên cần của trẻ nhà trẻ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Kết luận tiêu chuẩn 5:

Điểm mạnh nổi bật:

Trường có xây dựng Kế hoạch chăm sóc giáo dục phù hợp với từng độ tuổi của trẻ và phù hợp với điều kiện thực tế. Có sự phối hợp nhịp nhàng với cha mẹ học sinh giữa công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục giúp trẻ phát triển toàn diện.

Điểm yếu cơ bản:

Số lượng trẻ dư cân, béo phì còn cao, tỉ lệ chưa giảm vì chế độ chăm sóc ăn uống của trẻ ở nhà một số phụ huynh chưa thực hiện tốt còn cho trẻ ăn theo nhu cầu vào buổi tối.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/04

PHẦN III:

KẾT LUẬN CHUNG

Trường Mầm non Bông Sen đã thực hiện báo cáo quá trình tự đánh giá theo 5 tiêu chuẩn mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành. Tập thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trường đã đối chiếu 25 tiêu chí, 75 chỉ báo theo quy định, với các thành quả về hoạt động chăm sóc giáo dục của nhà trường đã đạt được trong 5 năm học vừa qua với Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường mầm non, trường đã đạt được những kết quả cụ thể về các tiêu chí và chỉ số như sau:

- Số lượng và tỷ lệ (%) các tiêu chí đạt và không đạt:
 - + Số lượng và tỷ lệ các tiêu chí đạt Mức 1: 25/25, tỷ lệ 100%
 - + Số lượng và tỷ lệ các tiêu chí không đạt Mức 1: Không
 - + Số lượng và tỷ lệ các tiêu chí đạt Mức 2: 25/25, tỷ lệ 100%
 - + Số lượng và tỷ lệ các tiêu chí không đạt Mức 2: Không
 - + Số lượng và tỷ lệ các tiêu chí đạt Mức 3: 11/18, tỷ lệ 61.1%
 - + Số lượng và tỷ lệ các tiêu chí không đạt Mức 3: 7/18, tỷ lệ 38.9%.
- **Mức đánh giá của trường mầm non: Mức 2**

- Nhà trường dần hoàn thiện các tiêu chí để đến năm 2023 đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3.

Trên đây là toàn bộ báo cáo tự đánh giá chất lượng chăm sóc giáo dục của trường Mầm non Bông Sen về công tác kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non. Nhà trường kính mong được sự chỉ đạo quan tâm, hướng dẫn, giúp đỡ của các cấp lãnh đạo các cấp quản lý, các cấp ủy Đảng, sự phối hợp của các ban ngành, đoàn thể chính quyền địa phương, sự hỗ trợ của các mạnh thường quân, Ban đại diện Cha mẹ học sinh đóng góp ý kiến để trường tiếp tục phát huy những điểm mạnh, khắc phục những điểm yếu. Từ đó, nhà trường sẽ có cơ sở và biện pháp cải tiến nhằm đưa chất lượng chăm sóc, giáo dục tại đơn vị ngày càng tốt hơn, hoàn thiện hơn, và phấn đấu đến năm 2023 đảm bảo nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ theo tiêu chuẩn trường tiên tiến theo xu thế hội nhập khu vực và quốc tế ./.

Hóc Môn, ngày 10 tháng 03 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thu Hòa